| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 19/2023/KDTM-ST
Ngày 12 - 9 - 2023
*V/v tranh chấp hợp đồng thi công và Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng mua bán*
.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***
*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Dung.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Trọng Tâm.
Bà Trương Tuyết Thoa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa***: Ông Đoàn Đắc Bắc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 32/2022/TLST-KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp Hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-KDTM ngày 01/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Hoàng D;
Địa chỉ: Số 249, đường Lý Văn Lâm, khóm 6, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh H – Giám đốc (Có mặt).

Bị đơn: Công ty Thành P;
Địa chỉ: số 168A đường Lý Thường Kiệt, khóm 7, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thanh P – Giám đốc (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:*

Vào năm 2019 Công ty Hoàng D (gọi tắt là Công ty Hoàng D) với Công ty Thành P (gọi tắt là Công ty Thành P) thỏa thuận và ký kết Hợp đồng xây lắp công trình số: 01-2019/HĐ – XLCT + Phụ lục hợp đồng ngày 26/11/2019 (gọi tắt là hợp đồng). Thời hạn thi công theo hợp đồng là 60 ngày kể từ ngày ký. Theo hợp đồng thì công việc Công ty Thành P phải làm cụ thể là: Lắp đặt 02 cây cột điện ngang đường với chiều cao 14m; Kéo cáp ngang đường dài 25m; Lắp đặt 03 máy biến áp

50KVA; Lắp đặt 03 tủ bù 3 pha 60KVA và một số phụ kiện khác. Hợp đồng là trọn gói không phân giai đoạn. Giá trị hợp đồng là 295.000.000đồng. Sau khi hai bên tiến hành ký kết hợp đồng Công ty Hoàng D đã cho Công ty Thành P tạm ứng và mượn số tiền cụ thể như sau:

Ngày 06/12/2019 Công ty Hoàng D cho Công ty Thành P tạm ứng số tiền 88.500.000 đồng tương đương giá trị 30% hợp đồng.

Ngày 20/11/2020 Công ty Thành P khi đó thi công được 02 trụ điện và kéo cáp ngang lộ thì ông P đại diện công ty Thành P có mượn công ty Hoàng D số tiền 12.000.000đồng, khi mượn hai bên chỉ nói miệng, không làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian thanh toán. Quá trình thi công Công ty Thành P còn nợ tiền vật liệu xây dựng của Công ty Hoàng D là 3.000.000đồng.

Ngày 13/4/2022 Công ty Hoàng D tiếp tục cho Công ty Thành P tạm ứng số tiền 118.000.000đồng tương đương giá trị 40% hợp đồng. Để mua máy biến áp và khi đó Công ty Thành P cam kết từ 15 đến 20 ngày sẽ lắp đặt và hoàn thành công trình nhưng đến nay Công ty Thành P không thi công như đã cam kết. Công ty Hoàng D gọi điện thoại để hối thúc thì Công ty Thành P hứa hẹn nhiều lần nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Nay Công ty Hoàng D yêu cầu Tòa án hủy bỏ Hợp đồng xây lắp công trình số: 01-2019/HĐ – XLCT + Phụ lục hợp đồng ngày 26 tháng 11 năm 2019 được ký kết giữa Công ty Hoàng D với Công ty Thành P.

Buộc Công ty Thành P thanh toán cho Công ty Hoàng D số tiền 290.665.000đồng (Hai trăm chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng). Trong đó 221.500.000đồng tiền tạm ứng + tiền mượn, tiền vật tư, còn lại là tiền lãi: Cụ thể tiền tạm ứng lần 01 và tiền mượn là số tiền 103.500.000đồng (88.500.000đ+12.000.000đ+3.000.000đ), lãi suất 1,5%/tháng, thời gian 36 tháng là 55.890.000đồng. Tiền tạm ứng lần 02: 118.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời gian 7,5 tháng, tiền lãi là 13.275.000đồng. Ngoài ra Công ty Hoàng D không yêu cầu gì thêm.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa bị đơn trình bày như sau:*

Bị đơn thừa nhận Công ty Thành P có thỏa thuận với Công ty Hoàng D và ký kết hợp đồng xây lắp công trình số: 01-2019/HĐ - XLCT, ngày 26 tháng 11 năm 2019 + Phụ lục hợp đồng, giá trị hợp đồng, thời hạn, tạm ứng, mượn tiền, nợ vật tư như ông H vừa trình bày là đúng. Nhưng tiền vật tư đến nay ông cũng không xác định được là bao nhiêu, do ông H với ông chưa kết nợ. Hạng mục Công ty Thành P phải làm đường dây trung thế 3 pha và trạm biến áp 150 KVA.

Sau khi tạm ứng tiền của Công ty Hoàng D, Công ty Thành P tiến hành đặt trụ cột bê tông cốt thép và thiết bị, vật tư. Công ty Thành P đề nghị Công ty Hoàng D giao mặt bằng thi công. Công ty Hoàng D yêu cầu thay đổi thiết kế, di dời trụ không đúng theo thiết kế. Phần thay đổi thiết kế lẽ ra Công ty Hoàng D phải hoàn thành mọi thủ tục nhưng công ty Hoàng D không làm mà chỉ đề cặp cho Công ty Thành P đang thi công tự làm. Sau khi có bản thiết kế đến phần thi công có liên quan đấu nối đường dây trung thế 3 pha, đấu nối bằng công nghệ HOTLINE thì Công ty Hoàng D không bỏ ra chi phí đấu nối trong khi Công ty Hoàng D ký kết

với Công ty Thành P phần chi phí đấu nối HOTLINE bên Công ty Hoàng D phải chịu. Từ những lý do trên làm kéo dài thời gian thi công cho đến nay. Công ty Hoàng D ký thỏa hiệp đấu nối với Công ty điện lực Cà Mau đấu nối bằng công nghệ Hotline đến ngày 01/4/2021 Công ty Thành P xin lịch cắt điện và đấu nối đường dây trung thế 3 pha và dựng trụ lắp đặt thiết bị trạm. Sau khi đơn vị thi công đã thi công hoàn thành phần đấu nối, Công ty Thành P có yêu cầu Công ty Hoàng D tạm ứng 40% nhưng bên công ty Hoàng D cứ hẹn mà không cho tạm ứng. Đến ngày 06/6/2021 điện lực thành phố thông báo nếu Công ty Hoàng D không lắp 03 máy biến áp để đưa vào sử dụng thì điện lực sẽ cắt đường dây trung thế nên cùng ngày 06 nói trên ông H đại diện công ty Hoàng D có làm đơn xin gia hạn đường dây trung thế.

Ngày 13/4/2022 ông H đại diện cho Công ty Hoàng D chuyển khoản cho Công ty Thành P số tiền 118.000.000đồng để mua máy biến áp về lắp đặt, số tiền này Công ty Thành P đã chuyển đặt cọc 50.000.000đồng mua máy biến áp thì phát hiện đường dây trung thế 3 pha do điện lực cắt bỏ với lý do không bảo đảm an toàn lưới điện.

Sau đó Công ty Hoàng D nhiều lần yêu cầu Công ty Thành P thực hiện Công ty Thành P báo với Công ty Hoàng D phải đấu nối lại đường dây trước đây thì Công ty Thành P mới thực hiện hoàn thiện công trình được. Công ty Hoàng D hối thúc Công ty Thành P thực hiện, Công ty Thành P trình bày lý do với Công ty Hoàng D là bên điện lực thành phố thông báo nếu muốn tiếp tục đấu nối đưa vào sử dụng thì phải tháo tất cả thiết bị đã lắp đặt trước đây kiểm nghiệm lại, Công ty Hoàng D nói với Công ty Thành P nếu như vậy thì tháo dỡ bỏ hết.

Nay Công ty Hoàng D yêu cầu Tòa án hủy bỏ Hợp đồng xây lắp công trình số: 01-2019/HĐ - XLCT, ngày 26 tháng 11 năm 2019 + Phụ lục hợp đồng được ký kết giữa Công ty Hoàng D với Công ty Thành P thì Công ty Thành P không đồng ý và Công ty Thành P yêu cầu Công ty Hoàng D cho Công ty Thành P tiếp tục thực hiện theo hợp đồng.

Đối với việc Công ty Hoàng D đòi lại số tiền tạm ứng, tiền mượn, tiền lãi, tiền mua vật tư là 290.665.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) Công ty Thành P không đồng ý thanh toán cho Công ty Hoàng D vì các hạng mục công trình đã thi công gần xong, giờ chỉ còn lắp thêm 03 máy biến áp sẽ hoàn thành công trình như thỏa thuận. Công ty Thành P đồng ý thanh toán tiền mượn là 12.000.000đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì tất cả đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên cho rằng việc giao kết hợp đồng thi công giữa các bên là có thật, bị đơn cũng đã thi công được một phần rồi ngưng cho đến nay. Tại phiên tòa xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 30, 35, 147, 217, 217, 218, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 470, Điều 357, Điều 423, 424 của

Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào các Điều 138, 139, 140, 141, 143, 144, 145 luật Xây dựng. Căn cứ vào Điều 4, 306 Luật thương mại; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận toàn bộ. Án phí dân sự sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Đối với phần thi công mà bị đơn thi công tại công trình, các bên đang tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử tách ra khi nào các bên chứng minh được số tiền thi công sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tạm ứng lần 01 là 88.500.000đồng và tiền nợ vật liệu xây dựng 3.000.000đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Công ty Hoàng D và Công ty Thành P phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai Công ty có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30. Các bên còn tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khóm 7, phường 6, thành phố CM, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[2] Tại phiên tòa nguyên và bị đơn xác định phần thi công mà bị đơn thi công tại công trình mà các bên đang tranh chấp nguyên và bị đơn xác định có chứng cứ nhưng chưa cung cấp cho Tòa án và không bổ sung kịp tại phiên tòa hôm nay. Phần công trình này nguyên đơn đã yêu cầu Công ty cổ phần thẩm định giá Thành Nam tiến hành thẩm định giá. Ngày 11/9/2023 công ty Thành Nam có công văn số 05/TB-TNV trả lời không định giá được do thiếu hồ sơ pháp lý. Chính vì lý do trên nên nguyên và bị đơn thống nhất sẽ tách phần đã thi công này ra khi nào Công ty Thành P chứng minh được số tiền đã thi công thì Công ty Thành P sẽ khởi kiện Công ty Hoàng D thành vụ kiện khác.

[4] Công ty Thành P sau khi nhận số tiền tạm ứng lần thứ nhất là 88.500.000đồng, Công ty Thành P đã thi công được một phần nhưng cả hai nguyên và bị đơn không cung cấp chứng cứ thể hiện công việc thi công được bao nhiêu phần trăm và cũng chưa chứng minh được số tiền đã thi công là bao nhiêu nên tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đối với số tiền này, khi nào bị đơn chứng minh được số tiền đã bỏ ra để thi công thì nguyên đơn sẽ đối trừ với bị đơn và bị đơn cũng đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn.

[5] Đối với số tiền Công ty Thành P mua vật liệu xây dựng của Công ty Hoàng D do các bên chưa kết nợ và tại phiên tòa cả hai nguyên và bị đơn không cung cấp chứng cứ và cũng chưa chứng minh được số tiền là bao nhiêu nên nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đối với số tiền này, bị đơn cũng đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn.

[2] Tại phiên tòa ông H người đại diện theo pháp luật của Công ty Hoàng D thay đổi yêu cầu khởi kiện: ông H xác định Công ty Hoàng D chỉ yêu cầu Công ty

Thành P thanh toán toàn bộ số tiền tạm ứng lần 2 là 118.000.000đồng, yêu cầu lãi suất 10%/ năm. Bị đơn nhận tiền từ ngày 13/4/2022 và cam kết hoàn thành công trình trong thời hạn tối đa 20 ngày nên nguyên đơn tính lãi từ ngày 04/5/2022 đến ngày 29/11/2022 là 06 tháng, 25 ngày (Cách tính lãi là 118.000.000đ X 10% x 06 tháng x 25 ngày = 6.718.000đồng), và tiền mượn 12.000.000đồng nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Tổng số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 136.718.000đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm mười tám nghìn đồng). Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện và là quyền tự định đoạt của đương sự, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng xây lắp công trình số: 01-2019/HĐ – XLCT + Phụ lục hợp đồng ngày 26/11/2019 mà các bên đã ký kết. Yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm ứng, tiền mượn, tiền lãi tổng cộng là 136.718.000đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm mười tám nghìn đồng).

[6.1] Xét về điều kiện hợp đồng: Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có năng lực hành vi dân sự, các bên đều là giám đốc của các công ty có đầy đủ trình độ, năng lực khi giao kết hợp đồng, việc giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện và tại thời điểm ký kết các bên đã thống nhất tất cả các điều khoản trong hợp đồng nên các đủ điều kiện giao kết hợp đồng.

[6.2] Xét về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng được lập thành văn bản do các bên tự nguyện thỏa thuận, soạn thảo và đi đến ký kết.

[6.3] Xét yêu cầu hủy Hợp đồng xây lắp công trình số: 01-2019/HĐ - XLCT, ngày 26 tháng 11 năm 2019 + Phụ lục hợp đồng được ký kết giữa Công ty Hoàng D với Công ty Thành P thì Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng được các bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mặc dù các bên có quy định thời gian thực hiện nhưng khi thực hiện thời gian kéo dài các bên cũng không có ý kiến gì thể hiện sự không đồng ý kéo dài hợp đồng. Đến khi các bên xảy ra tranh chấp do bị đơn đã ngừng thi công. Tại phiên tòa nguyên và bị đơn xác định từ khi bị đơn nhận tiền tạm ứng lần 02 ngày 13/4/2022 bị đơn không thi công thêm bất cứ công việc gì tại công trình. Mặc dù nguyên đơn hối thúc nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Lý giải cho việc ngưng thi công bị đơn cho rằng do điện lực đã cắt điện đường dây trung thế nên cần phải đấu nối lại bằng công nghệ Hotline thì bị đơn mới lắp đặt các thiết bị điện theo thỏa thuận được. Nguyên, bị đơn đấu nối bằng công nghệ Hotline hay đấu nối thường đều do chủ đầu tư quyết định nhưng bản thân bị đơn sau nhận tiền tạm ứng lần 2 mà không mua thiết bị điện nên lời trình bày bị đơn không có cơ sở. Do đó nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm ứng 118.000.000đồng vào ngày 13/4/2022 và lãi 6.718.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa nguyên và bị đơn xác định từ ngày bị đơn nhận số tiền tạm ứng từ nguyên đơn thì bị đơn không thi công bất cứ công việc nào tại công trình mà bị đơn đang thi công. Việc bị đơn chiếm dụng tiền của nguyên đơn mà không thi

công theo thỏa thuận là sự thật được các bên thừa nhận nên nguyên đơn không cần phải chứng minh. Do trong hợp đồng các bên không thỏa thuận lãi nên nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất 10%/năm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Đối với số tiền vay 12.000.000đồng tại phiên tòa nguyên yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền này bị đơn đồng ý.

Đối với phần lãi suất của số tiền vay nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét,

[9] Xét hậu quả của hợp đồng: Hợp đồng không thực hiện là do lỗi của bị đơn. Tại hợp đồng nguyên, bị đơn không thỏa thuận hậu quả của hợp đồng khi không thực hiện được. Tại phiên tòa các bên cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên tại mục 6 + 7+ 8 +9 nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là cơ sở nên chấp nhận toàn bộ:

Hủy Hợp đồng xây lắp công trình số: 01-2019/HĐ – XLCT + Phụ lục hợp đồng ngày 26/11/2019.

Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 136.718.000đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm mười tám nghìn đồng), trong đó 124.718.000đồng gồm tiền tạm ứng và tiền lãi; 12.000.000đồng tiền vay.

[9] Đối với số tiền 50.000.000đồng bị đơn đặt mua máy biến áp mà bị đơn cho rằng nguyên đơn giới thiệu công ty. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có đơn yêu cầu về vấn đề này, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không đóng tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 30, 35, 147, 217, 217, 218, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 470, Điều 357, 468, Điều 423, 424 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 138, 139, 140, 141, 143, 144, 145 luật Xây dựng.

Căn cứ vào Điều 4, 306 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Hoàng D.

Hủy Hợp đồng xây lắp công trình số: 01-2019/HĐ – XLCT + Phụ lục hợp đồng ngày 26/11/2019.

Buộc Công ty Thành P thanh toán cho Công ty Hoàng D số tiền 124.718.000đồng, trong đó số tiền tạm ứng là 118.000.000đồng, tiền lãi 6.718.000đồng.

Buộc Công ty Thành P thanh toán cho Công ty Hoàng D số tiền vay là 12.000.000đồng.

Tổng số tiền Công ty Thành P phải thanh toán cho Công ty Hoàng D là 136.718.000đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty Hoàng D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty Thành P còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Hoàng D về việc yêu cầu Công ty Thành P thanh toán số tiền tiền tạm ứng lần 01 là 88.500.000đồng và tiền nợ vật liệu xây dựng 3.000.000đồng.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm, án phí kinh doanh thương mại:

Công ty Hoàng D không phải nộp. Ngày 29/11/2022 Công ty Hoàng D đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 7.266.000đồng theo biên lai thu số 0002540 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Án phí dân sự sơ thẩm Công ty Thành P phải nộp là 600.000đồng (Sáu trăm ngàn đồng, chưa nộp)

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty Thành P phải nộp 6.235.900đồng (Sáu triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn, chín trăm đồng chưa nộp).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

**Lê Thúy Dung**

***Nơi nhận:***
*-TAND tỉnh Cà Mau;*
*- VKSND thành phố Cà Mau;*
*- Chi cục THADS Tp.Cà Mau;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ;*
*- Lưu án văn;*
*- Lu TM (TANDTPCM).*